BẢN TIN PHÁP LÝ

SỐ 06 NĂM 2026



Quảng Ngãi, tháng 09 năm 2026



Mục lục	Trang
I. Văn bản mới ban hành/có hiệu lực	3
II. Điểm tin một số văn bản có tác động đến BSR	5
Luật số 24/2026/QH16 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đầu tư	5
Luật số 11/2026/QH16 Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật hải quan	7
Nghị định 349/2026/NĐ-CP sửa đổi các Nghị định hướng dẫn Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu	10
Nghị định 328/2026/NĐ-CP quy định phòng, chống tin giả, sai sự thật	15
Thông tư 46/2026/TT-BCT sửa đổi Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong lĩnh vực khí dầu mỏ hóa lỏng	18
III. Đánh giá tác động của các văn bản được điểm tin tại Mục II	20



VĂN BẢN MỚI BAN HÀNH/CÓ HIỆU LỰC

STT	Tên văn bản	Ngày ban hành	Ngày có hiệu lực
I	**Luật**		
1	Luật số 11/2026/QH16 Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật hải quan	23/08/2026	01/03/2027
2	Luật số 10/2026/QH16 Luật Dầu khí	23/08/2026	01/03/2027
3	Luật số 24/2026/QH16 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đầu tư	24/08/2026	01/03/2027
4	Luật số 20/2026/QH16 Luật sửa đổi Luật tần số vô tuyến điện, Luật viễn thông, Luật giao dịch điện tử và Luật chuyển giao công nghệ 2026	24/08/2026	01/03/2027
II	**Nghị định**		
1	Nghị định 310/2026/NĐ-CP sửa đổi Nghị định 45/2020/NĐ-CP thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử, được sửa đổi bởi Nghị định 68/2024/NĐ-CP, Nghị định 69/2024/NĐ-CP và Nghị định 118/2025/NĐ-CP	05/08/2026	05/08/2026
2	Nghị định 320/2026/NĐ-CP sửa đổi Nghị định 69/2024/NĐ-CP quy định về định danh và xác thực điện tử	13/08/2026	28/09/2026
3	Nghị định 331/2026/NĐ-CP về bảo vệ an ninh mạng đối với hệ thống thông tin	19/08/2026	19/08/2026
4	Nghị định 333/2026/NĐ-CP hướng dẫn Luật An ninh mạng	19/08/2026	19/08/2026
5	Nghị định 328/2026/NĐ-CP quy định phòng, chống tin giả, sai sự thật	19/08/2026	19/08/2026
6	Nghị định 347/2026/NĐ-CP sửa đổi Nghị định 169/2025/NĐ-CP quy định hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu	08/9/2026	15/09/2026
7	Nghị định 349/2026/NĐ-CP sửa đổi các Nghị định hướng dẫn Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu	09/09/2026	09/09/2026
8	Văn bản hợp nhất 84/2026/VBHN-NĐ-BNNMT hợp nhất Nghị định quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khoáng sản	16/09/2026	16/09/2026

9	Nghị định 362/2026/NĐ-CP sửa đổi Nghị định 95/2016/NĐ-CP quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thống kê được sửa đổi bởi Nghị định 100/2021/NĐ-CP	18/09/2026	02/11/2026
III	**Thông tư**		
1	Thông tư 43/2026/TT-NHNN hướng dẫn hoạt động thanh toán và chuyển tiền liên quan đến kinh doanh chuyển khẩu hàng hóa	27/08/2026	05/09/2026
2	Thông tư 44/2026/TT-NHNN sửa đổi Thông tư 40/2025/TT-NHNN hướng dẫn về quản lý ngoại hối đối với đầu tư ra nước ngoài trong hoạt động dầu khí	27/08/2026	27/08/2026
3	Thông tư 46/2026/TT-BCT sửa đổi Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong lĩnh vực khí dầu mỏ hóa lỏng	28/08/2026	15/11/2026
4	Thông tư 134/2026/TT-BTC hướng dẫn mẫu hồ sơ yêu cầu áp dụng hình thức chỉ định thầu, báo cáo đánh giá, báo cáo thẩm định, kiểm tra, giám sát, báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu	09/09/2026	09/09/2026
5	Thông tư 136/2026/TT-BTC sửa đổi Khoản 2 Điều 3 Thông tư 158/2025/TT-BTC hướng dẫn Nghị định 360/2025/NĐ-CP hướng dẫn Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt	14/09/2026	15/09/2026
IV	**Các văn bản khác**		
1	Quyết định 2551/QĐ-BTC năm 2026 đính chính Thông tư 89/2026/TT-BTC hướng dẫn Luật Quản lý thuế và Nghị định 252/2026/NĐ-CP hướng dẫn Luật Quản lý thuế	15/09/2026	15/09/2026

ĐIỂM TIN MỘT SỐ VĂN BẢN CÓ TÁC ĐỘNG ĐẾN BSR

LUẬT SỐ 24/2026/QH16 LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT ĐẦU TƯ

- **Ngày ban hành:** 01/07/2026
- **Ngày có hiệu lực:** 01/07/2026

1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư (Điều 1)

1. Bổ sung một số điểm, khoản của Điều 6 như sau:

a) Bổ sung điểm m vào sau điểm l khoản 1 như sau:

"m) Kinh doanh khí N_2O để sử dụng cho con người qua đường hô hấp, trừ mục đích y tế, công nghệ thực phẩm, kiểm nghiệm, nghiên cứu khoa học và mục đích khác theo quy định của Chính phủ.";

b) Bổ sung khoản 2a vào sau khoản 2 như sau:

"2a. Chính phủ quy định chi tiết điểm m khoản 1 Điều này.".

2. Thay thế Phụ lục IV về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện bằng Phụ lục ban hành kèm theo Luật này.

2. Điều khoản thi hành (Điều 2)

1. Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 3 năm 2027, trừ quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Khoản 1 Điều 1 và khoản 1 Điều 3 của Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2027.

3. Bộ, cơ quan ngang bộ quy định giải pháp, phương án quản lý thay thế (trong trường hợp cần thiết) đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện tại Phụ lục IV của Luật Đầu tư số 143/2025/QH15 nhưng đã bị bãi bỏ theo quy định của Luật này trước ngày 01 tháng 3 năm 2027.

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 và khoản 2 Điều 88 của Luật Xây dựng số 135/2025/QH15 như sau:

"1. Cá nhân đảm nhận chức danh trong hoạt động xây dựng phải có chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng tương ứng theo quy định của Luật này, bao gồm: chủ nhiệm, chủ trì lập quy hoạch đô thị và nông thôn; chủ nhiệm khảo sát xây dựng; chủ nhiệm, chủ trì thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng; giám sát thi công xây dựng. Chứng chỉ hành nghề được phân thành hạng I, hạng II và hạng III.

2. Cá nhân đảm nhận chức danh giám đốc quản lý dự án đầu tư xây dựng, chỉ huy trưởng công trường phải đáp ứng điều kiện năng lực, kinh nghiệm nghề nghiệp.".

5. Bãi bỏ khoản 6 Điều 29 của Luật Đường bộ số 35/2024/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 118/2025/QH15.

3. Điều khoản chuyển tiếp (Điều 3)

1. Hợp đồng kinh doanh khí N_2O để sử dụng cho con người qua đường hô hấp, trừ mục đích y tế, công nghệ thực phẩm, kiểm nghiệm, nghiên cứu khoa học và mục đích khác theo quy định của Chính phủ đã giao

kết thì chấm dứt hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2027.

Trong thời hạn tối đa 45 ngày từ ngày 01 tháng 01 năm 2027, các bên tham gia hợp đồng thực hiện thanh lý hợp đồng theo quy định của pháp luật về dân sự và quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Chính phủ quy định xử lý chuyển tiếp đối với hoạt động dịch vụ hỗ trợ cấp thị thực của cơ sở kinh doanh được ủy quyền đã thực hiện trước ngày 01 tháng 3 năm 2027.

3. Đối với các ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện quy định tại Phụ lục IV của Luật Đầu tư số 143/2025/QH15 nhưng đã bị bãi bỏ theo quy định của Luật này thì thực hiện như sau:

a) Tổ chức, cá nhân được hoạt động đầu tư kinh doanh trong các ngành, nghề này mà không cần đáp ứng điều kiện đầu tư kinh doanh;

b) Trường hợp có nhu cầu, tổ chức, cá nhân được tiếp tục sử dụng các loại giấy phép, giấy chứng nhận, chứng chỉ, văn bản xác nhận hoặc văn bản cho phép đầu tư kinh doanh khác đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp đến hết thời hạn của văn bản, giấy tờ đó mà không phải thực hiện thủ tục cấp, điều chỉnh, gia hạn;

c) Trường hợp hồ sơ đề nghị cấp, điều chỉnh, gia hạn các loại giấy phép, giấy chứng nhận, chứng chỉ, văn bản xác nhận hoặc văn bản cho phép đầu tư kinh doanh khác đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiếp nhận hợp lệ trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành nhưng chưa trả kết quả, cơ quan nhà nước có thẩm quyền thông báo về việc ngừng giải quyết và trả hồ sơ cho cá nhân, tổ chức đã nộp.

1. Hành vi vi phạm hành chính đã kết thúc, hành vi vi phạm hành chính đang thực hiện được xác định theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 68/2025/NĐ-CP và Nghị định số 190/2025/NĐ-CP.

2. Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiết kiệm, chống lãng phí là 01 năm.

3. Thời điểm để tính thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính quy định tại khoản 2 Điều này thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 6 Luật Xử lý vi phạm hành chính số 15/2012/QH15, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 67/2020/QH14 và Luật số 88/2025/QH15.

Phụ lục IV

DANH MỤC NGÀNH, NGHỀ ĐẦU TƯ KINH DOANH CÓ ĐIỀU KIỆN

(Ban hành kèm theo Luật Đầu tư số 143/2025/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 24/2026/QH16)

23	**Kinh doanh xăng dầu**
124	**Kinh doanh dịch vụ vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại**
126	**Kinh doanh dịch vụ quan trắc môi trường**
136	**Dịch vụ xử lý dữ liệu cá nhân**

Toàn văn văn bản đã được đăng tải tại *P:\06. Document System\Thu Vien Phap Luat\VAN BAN PHAP LUAT\2. BO LUAT,LUAT\Luat Dau tu.*

LUẬT SỐ 11/2026/QH16 LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT HẢI QUAN

- **Ngày ban hành:** 23/08/2026
- **Ngày có hiệu lực:** 01/03/2027

1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hải quan (Điều 1)

Bổ sung Điều 16a vào sau Điều 16 như sau:

"Điều 16a. Kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu qua nền tảng thương mại điện tử

1. Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu qua nền tảng thương mại điện tử phải làm thủ tục hải quan, chịu sự kiểm tra, giám sát hải quan.

2. Tổ chức, cá nhân tại Việt Nam khi mua, bán hàng hóa với nước ngoài qua nền tảng thương mại điện tử phải thực hiện định danh, xác thực điện tử. Chủ quản nền tảng thương mại điện tử có trách nhiệm kết nối với hệ thống xử lý dữ liệu về thương mại điện tử của cơ quan hải quan khi thực hiện định danh, xác thực điện tử.

3. Chủ quản nền tảng thương mại điện tử, doanh nghiệp kinh doanh kho ngoại quan, doanh nghiệp vận chuyển hoặc đại lý của doanh nghiệp vận chuyển, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu qua nền tảng thương mại điện tử có trách nhiệm cung cấp thông tin liên quan đến hàng hóa cho cơ quan hải quan.

4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.".

Sửa đổi, bổ sung Điều 17 như sau:

"Điều 17. Quản lý rủi ro trong hoạt động nghiệp vụ hải quan

1. Cơ quan hải quan thực hiện quản lý rủi ro trong hoạt động nghiệp vụ hải quan, bao gồm: thu thập, xử lý thông tin, dữ liệu hải quan; phân tích, đối soát, kiểm tra thông tin, dữ liệu hồ sơ hải quan; xây dựng, quản lý hồ sơ rủi ro, hồ sơ trọng điểm; xây dựng, áp dụng tiêu chí quản lý rủi ro; giám sát, đánh giá rủi ro; xác định trọng điểm, phát hiện, dự báo, cảnh báo rủi ro, cung cấp thông tin nghiệp vụ; quyết định và tổ chức thực hiện các biện pháp kiểm tra, giám sát hải quan, kiểm tra sau thông quan và các hoạt động nghiệp vụ khác phù hợp theo mức độ rủi ro và mức độ tuân thủ pháp luật.

2. Cơ quan hải quan quản lý hệ thống thông tin nghiệp vụ, ứng dụng công nghệ số, dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo để thực hiện quản lý rủi ro trong hoạt động nghiệp vụ hải quan.

3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.".

"Điều 32. Kiểm tra hồ sơ hải quan

1. Khi kiểm tra hồ sơ hải quan, cơ quan hải quan kiểm tra tính chính xác, đầy đủ, sự phù hợp của nội dung khai hải quan với chứng từ thuộc hồ sơ hải quan, kiểm tra việc tuân thủ chính sách quản lý hàng hóa, chính sách thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh và quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Việc kiểm tra hồ sơ hải quan được thực hiện thông qua hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan hoặc trực tiếp bởi công chức hải quan.

3. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết Điều này.".

14. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 1 Điều 33 như sau:

"c) Hàng hóa thuộc trường hợp đặc biệt khác theo quyết định của Bộ trưởng Bộ Tài chính.".

15. Bổ sung khoản 3 vào sau khoản 2 Điều 52 như sau:

"3. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu qua dịch vụ bưu chính, chuyển phát nhanh.".

16. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 58 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 5 như sau:

"5. Doanh nghiệp kinh doanh cảng, kho, bãi có trách nhiệm bố trí địa điểm cảng, kho, bãi đáp ứng điều kiện giám sát hải quan để lưu giữ hàng hóa tồn đọng; chủ trì, phối hợp xử lý hàng hóa tồn đọng theo quy định tại khoản 6 Điều này.";

b) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 6 như sau:

"b) Đối với hàng hóa gây ô nhiễm môi trường, chủ phương tiện vận tải, người điều khiển phương tiện vận tải hoặc người được chủ phương tiện vận tải ủy quyền có trách nhiệm vận chuyển hàng hóa đó ra khỏi lãnh thổ Việt Nam. Trường hợp không xác định được chủ phương tiện vận tải, người điều khiển phương tiện vận tải, người được chủ phương tiện vận tải ủy quyền thì doanh nghiệp kinh doanh cảng, kho, bãi chịu trách nhiệm thực hiện việc tiêu hủy, cơ quan hải quan chủ trì thực hiện giám sát việc tiêu hủy và phối hợp cơ quan có liên quan để bảo đảm thực hiện việc tiêu hủy theo quy định của pháp luật.";

c) Bổ sung khoản 7 vào sau khoản 6 như sau:

"7. Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý hàng hóa tồn đọng trong địa bàn hoạt động hải quan.".

Sửa đổi, bổ sung Điều 65 như sau:

"Điều 65. Tuyến đường, thời gian vận chuyển

1. Hàng hóa vận chuyển chịu sự giám sát hải quan phải được vận chuyển đúng tuyến đường, đúng cửa khẩu, đúng thời hạn.

2. Người khai hải quan thông báo với cơ quan hải quan tuyến đường hàng hóa vận chuyển chịu sự giám sát hải quan theo quy định của pháp luật.".

Sửa đổi, bổ sung Điều 74 như sau:

"Điều 74. Kiểm tra, giám sát, tạm dừng làm thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ

1. Thủ tục đề nghị kiểm tra, giám sát đối với hàng hóa liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ:

a) Chủ thể quyền sở hữu trí tuệ trực tiếp hoặc thông qua người được ủy quyền hợp pháp nộp hồ sơ đề nghị kiểm tra, giám sát đối với hàng hóa liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ tại Hải quan khu vực nơi thuận tiện; nộp phí, lệ phí theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí;

b) Thời hạn áp dụng biện pháp kiểm tra, giám sát đối với hàng hóa liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ là 02 năm kể từ ngày Hải quan khu vực chấp nhận đề nghị và được gia hạn thêm 02 năm nhưng không quá thời hạn bảo hộ đối tượng quyền sở hữu trí tuệ theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ;

c) Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị kiểm tra, giám sát, Hải quan khu vực phải thông báo cho chủ thể quyền sở hữu trí tuệ hoặc người được ủy quyền hợp pháp về việc chấp nhận, đề nghị bổ sung hay từ chối hồ sơ.

2. Tạm dừng làm thủ tục hải quan:

a) Trong thời gian áp dụng biện pháp kiểm tra, giám sát, nếu phát hiện lô hàng có dấu hiệu xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, thủ trưởng cơ quan hải quan nơi làm thủ tục hải quan thông báo ngay cho chủ thể quyền sở hữu trí tuệ hoặc người được ủy quyền hợp pháp để nộp đơn đề nghị tạm dừng làm thủ tục hải quan;

b) Trường hợp chủ thể quyền sở hữu trí tuệ hoặc người được ủy quyền hợp pháp đề nghị tạm dừng làm thủ tục hải quan đối với hàng hóa có dấu hiệu xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ nhưng chưa có hồ sơ đề nghị kiểm tra, giám sát thì cơ quan hải quan quyết định tạm dừng làm thủ tục hải quan nếu chủ thể quyền sở hữu trí tuệ hoặc người được ủy quyền hợp pháp đáp ứng điều kiện tại khoản 2 Điều 73 của Luật này và quy định về hồ sơ đề nghị kiểm tra, giám sát đối với hàng hóa liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ;



c) Chậm nhất 02 giờ làm việc kể từ thời điểm nhận được đầy đủ hồ sơ đề nghị tạm dừng, thủ trưởng cơ quan hải quan nơi làm thủ tục hải quan ra quyết định tạm dừng hoặc từ chối trong đó nêu rõ lý do và thông báo cho chủ thể quyền sở hữu trí tuệ hoặc người được ủy quyền hợp pháp. Thời hạn và thủ tục áp dụng tạm dừng làm thủ tục hải quan theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ;

d) Trường hợp cơ quan hải quan chủ động tạm dừng làm thủ tục hải quan thì thủ trưởng cơ quan hải quan nơi làm thủ tục hải quan ra quyết định tạm dừng làm thủ tục hải quan, thông báo cho người khai hải quan, chủ thể quyền sở hữu trí tuệ hoặc người được ủy quyền hợp pháp biết để phối hợp xác định vi phạm và xử lý theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ.

3. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết Điều này.".

Sửa đổi, bổ sung tên Điều 216 như sau:

"Điều 216. Biện pháp kiểm soát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ";

e) Sửa đổi, bổ sung câu dẫn khoản 1 Điều 216 như sau:

"1. Các biện pháp kiểm soát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ bao gồm:";

g) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 Điều 216 như sau:

"b) Cơ quan hải quan chủ động thực hiện nếu trong quá trình thực hiện kiểm tra, giám sát và kiểm soát phát hiện căn cứ rõ ràng để nghi ngờ hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh là hàng hóa giả mạo về sở hữu trí tuệ.";

h) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 218 như sau:

"4. Trong trường hợp cơ quan hải quan chủ động tạm dừng làm thủ tục hải quan, cơ quan hải quan phải thông báo ngay cho chủ thể quyền sở hữu trí tuệ nếu có thông tin liên hệ và cho người nhập khẩu, người xuất khẩu hoặc người thực hiện dịch vụ quá cảnh về việc tạm dừng.

Trong thời hạn mười ngày làm việc, kể từ ngày thông báo, nếu chủ thể quyền sở hữu trí tuệ không khởi kiện dân sự và cơ quan hải quan không quyết định thụ lý vụ việc theo thủ tục xử lý vi phạm hành chính thì cơ quan hải quan có trách nhiệm tiếp tục làm thủ tục hải quan cho lô hàng.".

Toàn văn văn bản đã được đăng tải tại *P:\06. Document System\Thu Vien Phap Luat\VAN BAN PHAP LUAT\2. BO LUAT,LUAT\Luat Hai quan.*

NGHỊ ĐỊNH 349/2026/NĐ-CP SỬA ĐỔI CÁC NGHỊ ĐỊNH HƯỚNG DẪN LUẬT ĐẤU THẦU VỀ LỰA CHỌN NHÀ THẦU

- **Ngày ban hành:** 09/09/2026
- **Ngày có hiệu lực:** 09/09/2026

1. Chương I

Sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 của chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu (được sửa đổi, bổ sung bởi nghị định số 165/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2026 của chính phủ và nghị định số 170/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2026 của chính phủ)

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 2 Điều 18

"d) Tối thiểu 01 báo giá của hàng hóa, dịch vụ; khuyến khích thu thập nhiều hơn 01 báo giá. Chủ đầu tư phải đăng tải yêu cầu báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, đơn vị quan tâm phải gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia trong thời hạn tối thiểu 03 ngày làm việc kể từ ngày đăng tải yêu cầu báo giá. Trường hợp có nhiều hơn 01 báo giá thì được lấy giá trung bình của các báo giá; khi xác định giá trung bình, trường hợp có báo giá hoặc hạng mục trong báo giá có giá cao hoặc thấp hơn 30% giá trung bình, chủ đầu tư có quyền loại trừ các báo giá này để xác định giá trung bình.

Đối với gói thầu mua thuốc; hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế; linh kiện, phụ kiện, vật tư thay thế sử dụng cho thiết bị y tế: trên cơ sở yêu cầu chuyên môn, chủ đầu tư quyết định các tiêu chí kỹ thuật và tổ chức lấy báo giá. Chủ đầu tư phải đăng tải yêu cầu báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia; khuyến khích đăng tải trên Cổng thông tin điện tử hoặc Trang thông tin điện tử của chủ đầu tư hoặc Cổng thông tin điện tử của Bộ Y tế hoặc Cổng dịch vụ công trực tuyến về quản lý thiết bị y tế; đơn vị quan tâm gửi báo giá trong thời hạn tối thiểu 10 ngày kể từ ngày đăng tải yêu cầu báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Trường hợp có từ 02 báo giá trở lên, chủ đầu tư được lựa chọn báo giá cao nhất phù hợp với khả năng tài chính và yêu cầu chuyên môn.

Chủ đầu tư chịu trách nhiệm thu thập báo giá bảo đảm công khai, minh bạch. Đơn vị cung cấp báo giá chịu trách nhiệm cung cấp thông tin về giá của hàng hóa, dịch vụ phù hợp với khả năng cung cấp của mình và phải bảo đảm việc cung cấp báo giá không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá hoặc nâng khống giá.

Trường hợp chủ đầu tư đã tuân thủ đầy đủ quy định về tổ chức thu thập báo giá, bảo đảm công khai, minh bạch thì chủ đầu tư không phải chịu trách nhiệm đối với việc đơn vị cung cấp vi phạm quy định về cung cấp báo giá tại điểm này.".

Điều 3. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 35

"2. Chủ đầu tư phải cập nhật tiến độ thực tế thực hiện hợp đồng khi thực hiện xong các mốc hoàn thành quy định trong hợp đồng trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, chủ đầu tư có trách nhiệm cập nhật thông tin thay đổi, phát sinh về danh sách, phạm vi công việc và tỷ lệ sử dụng nhà thầu phụ, nhà thầu phụ đặc biệt (nếu có)."

Điều 4. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 78

1. Sửa đổi, bổ sung điểm a và điểm b khoản 2 như sau:

"a) Gói thầu thuộc dự án, dự toán mua sắm có yêu cầu cấp bách phải thực hiện ngay để bảo đảm hoàn thành tiến độ theo chỉ đạo tại: Nghị quyết, Kết luận, văn bản chỉ đạo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư; Nghị quyết của Quốc

hội; Nghị quyết của Chính phủ; Quyết định, Chỉ thị, văn bản thông báo ý kiến của lãnh đạo Chính phủ; Nghị quyết của Quân ủy Trung ương, Đảng ủy Công an Trung ương, Ban Thường vụ Đảng ủy bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan khác ở trung ương, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh;

b) Gói thầu thuộc dự án có yêu cầu thực hiện ngay nhằm bảo đảm kết nối, đồng bộ giữa các công trình thuộc dự án theo chỉ đạo tại: Nghị quyết, Kết luận, văn bản chỉ đạo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư; Nghị quyết của Quốc hội; Nghị quyết của Chính phủ; Quyết định, Chỉ thị, văn bản thông báo ý kiến của lãnh đạo Chính phủ; Nghị quyết của Quân ủy Trung ương, Đảng ủy Công an Trung ương, Ban Thường vụ Đảng ủy bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan khác ở trung ương, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh để đáp ứng yêu cầu về hiệu quả quản lý, khai thác, vận hành công trình đồng bộ, liên tục;".

2. Bổ sung điểm e1 vào sau điểm e khoản 2 như sau:

"e1) Gói thầu đã đăng tải thông báo mời thầu, thông báo mời quan tâm, thông báo mời sơ tuyển nhưng xảy ra một trong các trường hợp sau đây: không có nhà thầu nộp hồ sơ dự thầu, hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự sơ tuyển; tất cả hồ sơ dự thầu không đáp ứng hồ sơ mời thầu; tất cả nhà thầu không đáp ứng yêu cầu để thực hiện gói thầu.".

Điều 5. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 79

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

"1. Gói thầu thuộc các trường hợp quy định tại điểm e1 khoản 2, các điểm d, đ, e, g và h khoản 5 và khoản 6 Điều 78 của Nghị định này được áp dụng quy trình chỉ định thầu thông thường.".

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

"3. Quy trình chỉ định thầu thông thường được thực hiện như sau:

a) Lập, thẩm định, phê duyệt hồ sơ yêu cầu:

Hồ sơ yêu cầu được phê duyệt căn cứ vào tờ trình phê duyệt, báo cáo thẩm định hồ sơ yêu cầu (nếu có). Chủ đầu tư không bắt buộc thẩm định hồ sơ yêu cầu; trường hợp có yêu cầu thẩm định thì thực hiện theo quy định tại Điều 135 của Nghị định này.

Nội dung hồ sơ yêu cầu bao gồm: thông tin tóm tắt về dự án, dự toán mua sắm, gói thầu; chỉ dẫn việc chuẩn bị và nộp hồ sơ đề xuất; tiêu chuẩn đánh giá về năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu (nếu có); tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật; xác định giá chỉ định thầu; điều kiện về hợp đồng. Việc xác định mức độ yêu cầu cụ thể đối với từng tiêu chuẩn quy định tại điểm này căn cứ theo yêu cầu của từng gói thầu.

Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực, kinh nghiệm và kỹ thuật đối với gói thầu xây lắp, mua sắm hàng hóa, phi tư vấn, hỗn hợp được đánh giá theo tiêu chí đạt, không đạt; sử dụng tiêu chí chấm điểm để đánh giá về kỹ thuật đối với gói thầu tư vấn. Hồ sơ yêu cầu được nêu ký mã hiệu, nhãn hiệu, xuất xứ cụ thể của hàng hóa, các yêu cầu về kỹ thuật, dịch vụ có liên quan (nếu có).

b) Phát hành, làm rõ, sửa đổi hồ sơ yêu cầu:

Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu và thông tin sơ bộ về nhà thầu có khả năng thực hiện gói thầu, chủ đầu tư xác định một nhà thầu dự kiến được mời nhận hồ sơ yêu cầu; không phải đánh giá về năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu dự kiến được mời nhận hồ sơ yêu cầu khi xác định nhà thầu này.

Nhà thầu được dự kiến chỉ định thầu khi có tư cách hợp lệ quy định tại các điểm a, b, c, d, e, g và i khoản 1 Điều 5 của Luật Đấu thầu; đối với nhà thầu là hộ kinh doanh khi có tư cách hợp lệ quy định tại các điểm d, e khoản 1 và các điểm a, b khoản 2 Điều 5 của Luật Đấu thầu. Đối với gói thầu mua sắm hàng hóa, nhà thầu là cá nhân, nhóm cá nhân chào thầu sản phẩm đổi mới sáng tạo



của mình được dự kiến chỉ định thầu và nhận hồ sơ yêu cầu khi đáp ứng tư cách hợp lệ quy định tại khoản 3 Điều 5 của Luật Đấu thầu. Trường hợp pháp luật có liên quan quy định nhà thầu tham dự thầu, thực hiện hợp đồng phải độc lập với các tổ chức, cá nhân khác thì phải tuân thủ quy định đó.

Hồ sơ yêu cầu được phát hành trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia cho nhà thầu dự kiến chỉ định. Việc làm rõ hồ sơ yêu cầu, sửa đổi hồ sơ yêu cầu được thực hiện trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia trước ngày có thời điểm đóng thầu.

c) Nộp hồ sơ đề xuất, đánh giá hồ sơ đề xuất và thương thảo với nhà thầu:

Nhà thầu chuẩn bị và nộp hồ sơ đề xuất trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia theo yêu cầu của hồ sơ yêu cầu. Hồ sơ đề xuất được mở sau thời điểm đóng thầu.

Việc đánh giá hồ sơ đề xuất được thực hiện theo tiêu chuẩn đánh giá quy định trong hồ sơ yêu cầu. Trong quá trình đánh giá, chủ đầu tư mời nhà thầu thương thảo, làm rõ hoặc sửa đổi, bổ sung nội dung hồ sơ đề xuất để chứng minh việc đáp ứng yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm, tiến độ, khối lượng, chất lượng, giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức thực hiện gói thầu; thương thảo về giá bảo đảm giá đề nghị trúng thầu tiết kiệm, hiệu quả kinh tế.

Trường hợp gói thầu mua sắm hàng hóa hoặc gói thầu hỗn hợp EP, PC, EPC không có đủ dữ liệu để tham chiếu giá theo quy định tại các điểm a, c, đ, e và g khoản 2 Điều 18 của Nghị định này hoặc khi thấy cần thiết, chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu thuyết minh cơ cấu giá của hàng hóa để làm cơ sở thương thảo về giá trúng thầu.

Nhà thầu được đề nghị chỉ định thầu khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện: có hồ sơ đề xuất hợp lệ; có năng lực, kinh nghiệm và đề xuất kỹ thuật đáp ứng yêu cầu của hồ sơ yêu cầu; có giá đề nghị trúng thầu không vượt giá gói thầu được duyệt.

d) Thẩm định, phê duyệt và công khai kết quả lựa chọn nhà thầu:

Chủ đầu tư không bắt buộc phải thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu; trường hợp có yêu cầu thẩm định thì thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 136 của Nghị định này. Việc phê duyệt và công khai kết quả lựa chọn nhà thầu thực hiện theo quy định tại Điều 33 của Nghị định này. Hồ sơ yêu cầu, biên bản mở thầu, báo cáo đánh giá được công khai trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia đồng thời với thời điểm chủ đầu tư đăng tải kết quả lựa chọn nhà thầu.

đ) Hoàn thiện, ký kết và quản lý thực hiện hợp đồng:

Hợp đồng ký kết giữa các bên phải phù hợp với quyết định phê duyệt kết quả chỉ định thầu, hồ sơ đề xuất, hồ sơ yêu cầu và các tài liệu liên quan khác. Việc hoàn thiện, ký kết và quản lý thực hiện hợp đồng thực hiện theo quy định tại Điều 34 và Điều 35 của Nghị định này.

Đối với gói thầu có yêu cầu về bảo vệ bí mật nhà nước theo quy định tại khoản 6 Điều 78 của Nghị định này và gói thầu áp dụng chỉ định thầu quốc tế, các nội dung quy định tại các điểm a, b, c và d khoản này được thực hiện trực tiếp giữa chủ đầu tư và nhà thầu mà không phải thực hiện trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.".

Điều 6. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 80

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

"1. Đối với gói thầu thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 78 của Nghị định này, căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu và thông tin sơ bộ về nhà thầu, chủ đầu tư hoặc cơ quan trực tiếp quản lý gói thầu xác định và giao cho nhà thầu có khả năng thực hiện ngay gói thầu. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày bắt đầu thực hiện gói thầu, các bên phải hoàn thiện thủ tục chỉ định thầu quy định tại khoản 3 Điều này. Việc gửi dự thảo hợp đồng cho nhà thầu không phải thực hiện trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia và việc thực hiện chỉ định thầu không phải đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 79 của Nghị định này.".

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

"2. Đối với gói thầu thuộc trường hợp quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e và g khoản 2, khoản 3, khoản 4 và các điểm a, b, c, i, k khoản 5 Điều 78 của Nghị định này, chủ đầu tư áp dụng quy trình chỉ định thầu rút gọn quy định tại khoản 3 Điều này. Việc thực hiện chỉ định thầu phải đáp ứng đủ các điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 79 của Nghị định này, trừ gói thầu thuộc dự án đầu tư công đặc biệt quy định tại điểm c khoản 2 Điều 78 của Nghị định này.".

3. Sửa đổi, bổ sung điểm a và điểm b khoản 3 như sau:

"a) Chuẩn bị và gửi dự thảo hợp đồng cho nhà thầu:

Chủ đầu tư căn cứ vào mục tiêu, phạm vi công việc để chuẩn bị và gửi dự thảo hợp đồng cho nhà thầu được chủ đầu tư dự kiến có khả năng thực hiện gói thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Đối với gói thầu quy định tại điểm e khoản 2 Điều 78 của Nghị định này, chủ đầu tư gửi dự thảo hợp đồng trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia cho nhà thầu đã trúng thầu thông qua đấu thầu rộng rãi hoặc đấu thầu hạn chế và đã ký hợp đồng thực hiện gói thầu trước đó. Đối với gói thầu có yêu cầu về bảo vệ bí mật nhà nước theo quy định tại khoản 6 Điều 78 của Nghị định này và gói thầu áp dụng chỉ định thầu quốc tế, chủ đầu tư gửi dự thảo hợp đồng trực tiếp đến nhà thầu. Nội dung dự thảo hợp đồng bao gồm các yêu cầu về phạm vi, nội dung công việc cần thực hiện, thời gian thực hiện, chất lượng công việc cần đạt được, giá trị tương ứng và các nội dung cần thiết khác.

Nhà thầu được đề nghị chỉ định thầu khi có tư cách hợp lệ theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, g và i khoản 1 Điều 5 của Luật Đấu thầu; đối với nhà thầu là hộ kinh doanh khi có tư cách hợp lệ quy định tại các điểm d, e khoản 1 và các điểm a, b khoản 2 Điều 5 của Luật Đấu thầu. Đối với gói thầu mua sắm hàng hóa, nhà thầu là cá nhân, nhóm cá nhân chào thầu sản phẩm đổi mới sáng tạo của mình được đề nghị chỉ định thầu khi đáp ứng tư cách hợp lệ quy định tại khoản 3 Điều 5 của Luật Đấu thầu. Trường hợp pháp luật có liên quan quy định nhà thầu tham dự thầu, thực hiện hợp đồng phải độc lập với các tổ chức, cá nhân khác thì phải tuân thủ quy định đó.

b) Hoàn thiện hợp đồng, phê duyệt và công khai kết quả lựa chọn nhà thầu:

Trên cơ sở dự thảo hợp đồng, chủ đầu tư và nhà thầu được đề nghị chỉ định thầu tiến hành hoàn thiện hợp đồng làm cơ sở phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu và ký kết hợp đồng. Trong quá trình hoàn thiện hợp đồng, chủ đầu tư và nhà thầu thương thảo về giá, bảo đảm giá đề nghị trúng thầu tiết kiệm, hiệu quả kinh tế; đối với gói thầu xây lắp thuộc trường hợp chỉ định thầu theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 78 của Nghị định này, chủ đầu tư và nhà thầu thương thảo về giá, bảo đảm tiết kiệm tối thiểu 5% giá gói thầu.

Trường hợp gói thầu mua sắm hàng hóa hoặc gói thầu hỗn hợp EP, PC, EPC không có đủ dữ liệu để tham chiếu giá theo quy định tại các điểm a, c, đ, e và g khoản 2 Điều 18 của Nghị định này hoặc khi thấy cần thiết, chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu thuyết minh cơ cấu giá của hàng hóa để làm cơ sở thương thảo về giá trúng thầu.

Việc công khai kết quả lựa chọn nhà thầu theo quy định tại khoản 5 Điều 33 của Nghị định này.".

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

"4. Đối với gói thầu hoặc nội dung mua sắm có giá không quá 100 triệu đồng, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị mua sắm chịu trách nhiệm quyết định việc mua sắm bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả và tự chịu trách nhiệm về quyết định của mình, không phải đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 79 của Nghị định này, không phải thực hiện quy trình quy định tại khoản 3 Điều này nhưng phải bảo đảm chế độ hóa đơn, chứng từ đầy đủ theo quy định của pháp luật hoặc



được thực hiện theo quy trình chỉ định thầu rút gọn quy định tại khoản 3 Điều này.".

5. Bổ sung khoản 6 vào sau khoản 5 như sau:

"6. Đối với gói thầu thuộc trường hợp chỉ định thầu theo quy trình thông thường đồng thời thuộc trường hợp chỉ định thầu theo quy trình rút gọn thì chủ đầu tư được lựa chọn áp dụng quy trình quy định tại khoản 3 Điều 79 của Nghị định này hoặc khoản 3 Điều này.".

2. Chương II

Sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên (đã được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi nghị định số 111/2025/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2025 và nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 của chính phủ)

Điều 20. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 13

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

"1. Dự toán thu, chi được cấp có thẩm quyền giao. Đối với dự toán đặt hàng, phương án đặt hàng có thể được lập trên cơ sở dự toán đặt hàng của năm ngân sách và dự kiến dự toán đặt hàng của các năm ngân sách tiếp theo.".

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

"3. Đơn giá, giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước đặt hàng.".

Điều 26. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 Điều 26

"b) Căn cứ định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí (nếu có) của các lĩnh vực đã được các bộ, cơ quan trung ương ban hành để áp dụng tại địa phương. Trường hợp đối với những danh mục sản phẩm, dịch vụ công các bộ, cơ quan trung ương chưa ban hành hoặc không ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí (nếu có) hoặc ban hành không phù hợp với thực tế tại địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành đối với sản phẩm, dịch vụ công thuộc phạm vi quản lý để thực hiện phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách địa phương.

Ban hành, sửa đổi, bổ sung tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, dịch vụ công; cơ chế giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng và quy chế kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm, dịch vụ công thuộc phạm vi quản lý của địa phương.".

Toàn văn văn bản đã được đăng tải tại *P:\06. Document System\Thu Vien Phap Luat\VAN BAN PHAP LUAT\2. BO LUAT,LUAT\Luat Dau thau \Nghi dinh.*

NGHỊ ĐỊNH 328/2026/NĐ-CP QUY ĐỊNH PHÒNG, CHỐNG TIN GIẢ, SAI SỰ THẬT

- **Ngày ban hành:** 19/08/2026
- **Ngày có hiệu lực:** 05/10/2026

1. Phạm vi điều chỉnh (Điều 1)

1. Phân loại tin giả, tin sai sự thật, nguyên tắc, quản lý nhà nước, hợp tác quốc tế phòng, chống tin giả, tin sai sự thật.
2. Quy trình xử lý tin giả, tin sai sự thật; một số biện pháp phòng, chống tin giả, tin sai sự thật.
3. Thẩm quyền, trách nhiệm của các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các cấp và các tổ chức, cá nhân có liên quan trong phòng, chống tin giả, tin sai sự thật.

2. Đối tượng áp dụng (Điều 2)

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân Việt Nam.

2. Người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch đang sinh sống tại Việt Nam.

3. Tổ chức quốc tế, tổ chức nước ngoài có hoạt động tại Việt Nam, người nước ngoài cư trú tại Việt Nam; tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông, dịch vụ Internet, mạng xã hội và thông tin xuyên biên giới hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam hoặc cung cấp dịch vụ cho tổ chức, cá nhân Việt Nam.

4. Cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài liên quan đến vi phạm pháp luật về tin giả, tin sai sự thật ảnh hưởng quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức, nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, trừ trường hợp điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác.

3. Phân loại tin giả, tin sai sự thật (Điều 4)



4. Nguyên tắc phòng, chống tin giả, tin sai sự thật

1. Tuân thủ quy định của pháp luật; tôn trọng và bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

2. Chủ động phòng ngừa; kịp thời phát hiện, ngăn chặn, xử lý nghiêm minh mọi hành vi vi phạm pháp luật về tin giả, tin sai sự thật.

3. Bảo đảm công khai, minh bạch.

4. Bảo đảm lợi ích quốc gia, dân tộc, quốc phòng, an ninh, đối ngoại.

5. Quy trình xử lý tin giả, tin sai sự thật được quy định tại Nghị định này không điều chỉnh tin giả, tin sai sự thật trong các trường hợp:

a) Tin giả, tin sai sự thật đang trong quá trình điều tra, xét xử;

b) Tin giả, tin sai sự thật đã có kết luận từ cơ quan có thẩm quyền hoặc được công bố từ trước;

c) Tin giả, tin sai sự thật đang được các cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật khác.

6. Bảo đảm sự phối hợp đồng bộ, chặt chẽ giữa các bộ, ngành, địa phương và các tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trên mạng.

5. Hợp tác quốc tế trong phòng, chống tin giả, tin sai sự thật

1. Xây dựng cơ chế hợp tác quốc tế để thực thi có hiệu quả pháp luật Việt Nam về phòng, chống tin giả, tin sai sự thật với các quốc gia, tổ chức, doanh nghiệp nước ngoài.

2. Tham gia tương trợ tư pháp về phòng, chống tin giả, tin sai sự thật với quốc gia khác theo quy định của pháp luật về tương trợ tư pháp.

3. Hợp tác quốc tế trong phòng ngừa, đấu tranh với tin giả, tin sai sự thật; yêu cầu doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ Internet, tổ chức, doanh nghiệp cung cấp mạng xã hội, cung cấp thông tin xuyên biên giới có hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam hoặc cung cấp dịch vụ cho tổ chức, cá nhân Việt Nam chấp hành pháp luật về phòng, chống tin giả, tin sai sự thật của Việt Nam.

4. Đào tạo nguồn nhân lực, nghiên cứu khoa học, ứng dụng khoa học và công nghệ, chuyển giao công nghệ trong phòng, chống tin giả, tin sai sự thật.

5. Trao đổi kinh nghiệm xây dựng và thực hiện pháp luật trong phòng, chống tin giả, tin sai sự thật.

8. Quy trình xử lý tin giả, tin sai sự thật (Điều 8)

1. Phát hiện thông tin có dấu hiệu giả, sai sự thật:

a) Phát hiện thông qua cá nhân, cơ quan, tổ chức phản ánh, tố giác tin giả, tin sai sự thật;

b) Phát hiện thông qua cơ quan chức năng có thẩm quyền thực hiện giám sát, rà soát, kiểm soát thông tin trong phòng, chống tin giả, tin sai sự thật;

c) Phát hiện thông qua rà soát, cảnh báo của các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ Internet, tổ chức, doanh nghiệp cung cấp mạng xã hội, cung cấp dịch vụ thông tin xuyên biên giới hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam;

d) Phát hiện thông qua việc các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các cấp chuyển yêu cầu đến cơ quan chức năng có thẩm quyền kiểm chứng, xác minh, làm rõ tin giả, tin sai sự thật;

đ) Phát hiện thông qua yêu cầu kiểm chứng, xác minh, làm rõ của nạn nhân, tổ chức bị ảnh hưởng do thông tin có dấu hiệu giả, sai sự thật.

2. Kiểm chứng, xác minh, làm rõ thông tin có dấu hiệu giả, sai sự thật.

3. Gắn nhãn tin giả, tin sai sự thật: Sau khi kết luận thông tin là tin giả, tin sai sự thật, đơn vị trực tiếp kiểm chứng gắn nhãn tin giả, tin sai sự thật.

4. Công bố, cảnh báo tin giả, tin sai sự thật: Cơ quan, đơn vị trực tiếp kiểm chứng, xác minh, làm rõ tin giả, tin sai sự thật công bố,



cảnh báo thông tin phải tuân thủ pháp luật về tiếp cận thông tin.

5. Ngăn chặn, gỡ bỏ tin giả, tin sai sự thật.

6. Áp dụng các hình thức xử lý.

9. Rà soát, phát hiện thông tin có dấu hiệu giả, sai sự thật (Điều 15)

Cơ quan chức năng có thẩm quyền được quy định tại Điều 17, Điều 18, Điều 19, Điều 20, Điều 21 của Nghị định này thực hiện:

1. Rà soát, phát hiện trên không gian mạng, mạng xã hội, các dịch vụ, ứng dụng cung cấp thông tin trên không gian mạng.

2. Rà soát, phát hiện hoạt động thông tin, truyền thông trên các lĩnh vực báo chí, xuất bản, phát thanh, truyền hình, quảng cáo.

3. Tổ chức giám sát, rà soát, kiểm tra hoạt động thông tin, truyền thông trên các lĩnh vực khác.

4. Tổ chức rà soát, phát hiện thông qua thiết lập cơ chế tiếp nhận phản ánh của người dân về thông tin có dấu hiệu giả, sai sự thật thông qua đường dây nóng, cổng thông tin điện tử hoặc ứng dụng số.

5. Rà soát, phát hiện theo phạm vi, địa bàn, lĩnh vực quản lý.

10. Hiệu lực thi hành (Điều 23)

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 05 tháng 10 năm 2026.

Toàn văn văn bản đã được đăng tải tại *P:\06. Document System\Thu Vien Phap Luat\VAN BAN PHAP LUAT\2. BO LUAT,LUAT\Luat An ninh mang\Nghi dinh.*

THÔNG TƯ 46/2026/TT-BCT SỬA ĐỔI QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ AN TOÀN TRONG LĨNH VỰC KHÍ DẦU MỎ HÓA LỎNG

- **Ngày ban hành:** 28/08/2026
- **Ngày có hiệu lực:** 15/11/2026

1. Ban hành các Sửa đổi Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (Điều 1)

Ban hành kèm theo Thông tư này 05 Sửa đổi Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về an toàn trong lĩnh vực khí dầu mỏ hóa lỏng, bao gồm:

1. Sửa đổi 01: 2026 QCVN 10:2012/BCT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn Trạm cấp khí dầu mỏ hóa lỏng.
2. Sửa đổi 01:2026 QCVN 04:2013/BCT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn chai chứa khí dầu mỏ hóa lỏng bằng thép.
3. Sửa đổi 01:2026 QCVN 02:2017/BCT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn chai chứa khí dầu mỏ hóa lỏng mini.
4. Sửa đổi 01:2026 QCVN 02:2020/BCT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn bồn chứa khí dầu mỏ hóa lỏng.
5. Sửa đổi 01:2026 QCVN 16:2022/BCT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn chai LPG composite.

2. Điều khoản thi hành (Điều 2)

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày **15 tháng 11 năm 2026.**

2. 05 Sửa đổi Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong lĩnh vực khí dầu mỏ hóa lỏng quy định tại Điều 1 của Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 11 năm 2026.

3. Quy định chuyển tiếp

Tổ chức, cá nhân đã thực hiện đánh giá phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật, công bố hợp quy đối với trạm cấp khí dầu mỏ hóa lỏng, bồn chứa khí dầu mỏ hóa lỏng, chai chứa khí dầu mỏ hóa lỏng bằng thép, chai chứa LPG composite và chai chứa khí dầu mỏ hóa lỏng mini trước ngày Thông tư này có hiệu lực, tiếp tục được sử dụng giấy chứng nhận hợp quy, dấu hợp quy đến hết thời hạn hiệu lực và không phải thực hiện đăng ký lại bản công bố hợp quy.

3. Điều khoản chuyển tiếp (Điều 3)

1. Hợp đồng kinh doanh khí N_2O để sử dụng cho con người qua đường hô hấp, trừ mục đích y tế, công nghệ thực phẩm, kiểm nghiệm, nghiên cứu khoa học và mục đích khác theo quy định của Chính phủ đã giao kết thì chấm dứt hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2027.

Trong thời hạn tối đa 45 ngày từ ngày 01 tháng 01 năm 2027, các bên tham gia hợp đồng thực hiện thanh lý hợp đồng theo quy định của pháp luật về dân sự và quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Chính phủ quy định xử lý chuyển tiếp đối với hoạt động dịch vụ hỗ trợ cấp thị thực của cơ sở kinh doanh được ủy quyền đã thực hiện trước ngày 01 tháng 3 năm 2027.

3. Đối với các ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện quy định tại Phụ lục IV của Luật Đầu tư số 143/2025/QH15 nhưng đã bị bãi bỏ theo quy định của Luật này thì thực hiện như sau:

a) Tổ chức, cá nhân được hoạt động đầu tư kinh doanh trong các ngành, nghề này mà chứng chỉ, văn bản xác nhận hoặc văn bản cho phép đầu tư kinh doanh khác đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiếp nhận hợp lệ trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành nhưng chưa trả kết quả, cơ quan nhà nước có thẩm quyền thông báo về việc ngừng giải quyết và trả hồ sơ cho cá nhân, tổ chức đã nộp.
1. Hành vi vi phạm hành chính đã kết thúc, hành vi vi phạm hành chính đang thực hiện được xác định theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 68/2025/NĐ-CP và Nghị định số 190/2025/NĐ-CP.

2. Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiết kiệm, chống lãng phí là 01 năm.

không cần đáp ứng điều kiện đầu tư kinh doanh;
b) Trường hợp có nhu cầu, tổ chức, cá nhân được tiếp tục sử dụng các loại giấy phép, giấy chứng nhận, chứng chỉ, văn bản xác nhận hoặc văn bản cho phép đầu tư kinh doanh khác đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp đến hết thời hạn của văn bản, giấy tờ đó mà không phải thực hiện thủ tục cấp, điều chỉnh, gia hạn;
c) Trường hợp hồ sơ đề nghị cấp, điều chỉnh, gia hạn các loại giấy phép, giấy chứng nhận
3. Thời điểm để tính thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính quy định tại khoản 2 Điều này thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 6 Luật Xử lý vi phạm hành chính số 15/2012/QH15, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 67/2020/QH14 và Luật số 88/2025/QH15.

3. Tổ chức thực hiện (Điều 3)

Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

Toàn văn văn bản đã được đăng tải tại *P:\06. Document System\Thu Vien Phap Luat\VAN BAN PHAP LUAT\2. BO LUAT,LUAT\Luật Quy chuan và tieu chuan ky thuat\Thong tu.*



ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CÁC VĂN BẢN ĐƯỢC NÊU TẠI MỤC II

STT	Tên văn bản QPPL/trích yếu nội dung	Trách nhiệm tuân thủ/Hậu quả pháp lý	Ban/đơn vị chủ trì cập nhật, nghiên cứu, áp dụng/tuân thủ
1	Luật số 24/2026/QH16 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đầu tư	- ***Trách nhiệm tuân thủ:*** Tổ chức, cá nhân có các hoạt động liên quan đến hoạt động đầu tư phải tuân thủ các quy định tại Luật này và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan. - ***Hậu quả pháp lý:*** Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm quy định về hoạt động đầu tư, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định tại Nghị định 288/2026/NĐ-CP sửa đổi Nghị định 122/2021/NĐ-CP quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế hoạch và đầu tư và/hoặc bị xử lý theo các quy định khác của pháp luật liên quan.	KTĐT, DQRE, DA
2	Luật số 11/2026/QH16 Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật hải quan	- ***Trách nhiệm tuân thủ:*** Tổ chức, cá nhân có liên quan hoạt động trong lĩnh vực hải quan phải cập nhật, tuân thủ các quy định này và các quy định khác có liên quan. - ***Hậu quả pháp lý:*** Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm quy định trong lĩnh vực hải quan, tùy theo tính chất và mức độ vi phạm mà bị xử phạt vi phạm hành chính theo Nghị định 102/2021/NĐ-CP sửa đổi các Nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế, hóa đơn; hải quan; kinh doanh bảo hiểm, kinh doanh xổ số; quản lý, sử dụng tài sản công; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; dự trữ quốc gia; kho bạc nhà nước; kế toán, kiểm toán độc lập và/hoặc các quy định pháp luật khác có liên quan.	TMDV, PTKD, NL, TCKT

3	Nghị định 349/2026/NĐ-CP sửa đổi các Nghị định hướng dẫn Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu	- ***Trách nhiệm tuân thủ:*** Cơ quan nhà nước, Tổ chức, cá nhân có liên quan hoạt động đấu thầu phải cập nhật, tuân thủ các quy định này và các quy định khác có liên quan. - ***Hậu quả pháp lý:*** Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm quy định về hoạt động đấu thầu sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính căn cứ theo khoản 29 Điều 2 Nghị định 225/2025/NĐ-CP bổ sung Điều 61a vào sau Điều 61 Nghị định 115/2024/NĐ-CP hướng dẫn xử lý vi phạm trong hoạt động đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư từ 15/8/2025 và/hoặc bị xử lý theo các quy định khác của pháp luật liên quan.	DQRE, KTĐT, DA, TMDV
4	Nghị định 328/2026/NĐ-CP quy định phòng, chống tin giả, sai sự thật	- ***Trách nhiệm tuân thủ:*** Cơ quan nhà nước, Tổ chức, cá nhân có liên quan hoạt động phổ biến, tiếp nhận, đăng tải thông tin,…phải cập nhật, tuân thủ các quy định này và các quy định khác có liên quan. - ***Hậu quả pháp lý:*** Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm quy định về hoạt động phổ biến, tiếp nhận, đăng tải thông tin,…sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính căn cứ theo Nghị định 174/2026/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, tần số vô tuyến, giao dịch điện tử và công nghệ thông tin và/hoặc bị xử lý theo các quy định khác của pháp luật liên quan.	CNTT&CĐS, TT ĐMST, KTCN
5	Thông tư 46/2026/TT-BCT sửa đổi Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong lĩnh vực khí dầu mỏ hóa lỏng	- ***Trách nhiệm tuân thủ:*** Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan hoạt động an toàn trong lĩnh vực khí dầu mỏ hóa lỏng có trách nhiệm cập nhật, tuân thủ quy định này và các quy định khác có liên quan. - ***Hậu quả pháp lý:*** Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm quy định về an toàn trong lĩnh vực khí dầu mỏ hóa lỏng, tùy theo tính chất và mức độ vi phạm mà bị xử phạt vi phạm hành chính theo Nghị định 99/2020/NĐ-CP quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực dầu khí, kinh doanh xăng dầu và khí và/hoặc các quy định pháp luật khác có liên quan.	KTCN ATMT, ATCL, VHSX, KTSX


LAW